

Số: /HD-STTTT

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2022

## HƯỚNG DẪN

### Thực hiện các nội dung tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới và Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025,*

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

#### **I. Đối với tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông trong xây dựng xã nông thôn mới**

*Tiêu chí số 8 có 4 chỉ tiêu, cụ thể như sau:*

- Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Tiêu chí 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

*Nội dung cụ thể của các chỉ tiêu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định 2517/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:*

#### **1. Chỉ tiêu. 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính**

##### **1.1. Nội dung**

##### **a) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất**

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ.
- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.
- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

*b) Tiêu chuẩn về dịch vụ*

Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí (*Mã số QCVN 01:2015/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công bố với khách hàng.

*(Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thay thế).*

**1.2. Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn:** Xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính.

**2. Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet**

**2.1. Nội dung**

a. Tất cả các khu dân cư trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng:

- Ít nhất một trong 2 loại dịch vụ điện thoại: Trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất.

- Ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: Trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.

b. Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

*(Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thay thế).*

**2.2. Điều kiện đạt chuẩn**

100% các thôn, bản trên địa bàn xã có dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

**3. Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn**

**3.1. Nội dung**

a) Xã có đài truyền thanh đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

*(Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia thay thế).*

b) Có ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa truyền thanh hoạt động thường xuyên.

*Hệ thống loa hoạt động thường xuyên:* Đảm bảo việc tiếp sóng, phát lại các chương trình thời sự và các chương trình khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh; các chương trình phát thanh cấp huyện, cấp xã.

### **3.2. Điều kiện đạt chuẩn**

Xã có đài truyền thanh đáp ứng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và có ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

## **4. Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành**

### **4.1. Nội dung**

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%;
- b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:
  - Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
  - Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.phutho.gov.vn).
  - Hệ thống một cửa điện tử.
  - Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên Cổng thông tin điện tử của huyện và của tỉnh.
- c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 50% trở lên.

### **4.2. Điều kiện đạt chuẩn**

Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%; sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng như mục b; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 50% trở lên.

## **5. Hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện.
- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 của UBND cấp huyện (Mẫu số 01- Phụ lục 01).
  - Xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (Mẫu số 02- Phụ lục 01).
  - Văn bản xác nhận của doanh nghiệp viễn thông về hiện trạng hạ tầng cung cấp dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet (Mẫu số 03- Phụ lục 01).
- Quy chế hoạt động của Đài truyền thanh cấp xã.
- Quyết định bổ nhiệm Trưởng Đài, Phó trưởng đài; thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử; phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập.
- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các đài truyền thanh không dây FM; Giấy chứng nhận hợp quy đảm bảo an toàn, an ninh thông

tin đối với đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

## **II. Đối với tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

*Xã đạt tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao là xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025 và đạt 5 chỉ tiêu, cụ thể như sau:*

- Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

- Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

- Chỉ tiêu 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Chỉ tiêu 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn xã, điểm du lịch cộng đồng (nếu có).

*Nội dung cụ thể các chỉ tiêu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định 2517/QĐ-UBND ngày 23/09/2022 của UBND tỉnh. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:*

### **1. Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

*1.1. Nội dung:* Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân. Yêu cầu cụ thể như sau:

- Điểm phục vụ bưu chính được trang bị hệ thống máy tính có kết nối Internet.

- Nhân viên điểm phục vụ được tập huấn nghiệp vụ về dịch vụ công trực tuyến để hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

*2.2. Điều kiện đạt chuẩn:* Xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

### **2. Chỉ tiêu 8.2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

### **3. Chỉ tiêu 8.3. Có dịch vụ báo chí, truyền thông**

Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng các điều kiện:

3.1. 100% khu dân cư ở các xã thuộc khu vực đồng bằng có hệ thống hoạt động thường xuyên; 90% khu dân cư ở các xã khu vực miền núi, xã có điều kiện

kinh tế đặc biệt khó khăn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

3.2. 100% số khu dân cư trong xã có hộ gia đình thu, xem được 1 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

3.3. Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm:

*Điểm cung cấp xuất bản phẩm:* Là điểm đặt tại nơi công cộng hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng dành cho việc cung cấp xuất bản phẩm (cho thuê/cho mượn) để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng. Điểm cung cấp xuất bản có thể là hiệu sách, tủ sách công cộng (tủ sách đặt tại nhà văn hóa xã/điểm bưu điện văn hóa xã/các điểm công cộng đông người qua lại).

**4. Chỉ tiêu 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.**

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 65% trở lên.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 100% đối với các xã còn lại.

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tối thiểu 70% đối với các xã còn lại.

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử.

*Yêu cầu:* Các sản phẩm được giới thiệu, quảng bá trên một trong số các sàn: *postmart.vn*, *voso.vn* hoặc các sàn thương mại điện tử khác.

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

**5. Chỉ tiêu 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng: UBND xã, nhà văn hóa các khu dân cư trên địa bàn xã; điểm du lịch cộng đồng (nếu có).**

*Yêu cầu:* Mạng wifi miễn phí tại các điểm công cộng đảm bảo các điều kiện an toàn an ninh thông tin.

## **6. Tiêu chí hành chính công**

**Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên:** Tại xã có cung cấp, giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*Yêu cầu:* Có tỷ lệ hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt 65% trở lên.

## **7. Hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện.

- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 nâng cao của UBND cấp huyện (Mẫu số 01- Phụ lục 02).

- Quyết định của UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (Mẫu số 02- Phụ lục 02).
- Ảnh chụp điểm cung cấp xuất bản phẩm.
- Văn bản xác nhận của Bưu điện tỉnh về việc gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) đối với 100% trụ sở cơ quan, tổ chức, khu di tích, hộ gia đình (Mẫu số 03- Phụ lục 02).
- Tài liệu xác nhận có mạng wifi miễn phí tại điểm công cộng: Hợp đồng triển khai điểm wifi miễn phí tại các điểm công cộng ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (đối với trường hợp điểm công cộng thuê đường truyền Internet độc lập) hoặc hợp đồng thuê đường truyền Internet (đối với trường hợp sử dụng chung wifi với đơn vị có hợp đồng thuê đường truyền Internet, ví dụ dùng chung với wifi của UBND xã, nhà dân...).

### **III. Đối với tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới Kiểu mẫu**

*Là các xã đã đạt nông thôn mới nâng cao và đáp ứng các chỉ tiêu theo nội dung cụ thể tại Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:*

**1. Lĩnh vực chuyển đổi số:** Có 5 chỉ tiêu, đề nghị thực hiện theo hướng dẫn như sau:

- *Chỉ tiêu 7.1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bộ:* Có hệ thống mạng nội bộ(LAN) được kết nối Internet và cài đặt phần mềm bảo vệ an toàn thông tin; triển khai các ứng dụng dùng chung( quản lý văn bản điều hành; một cửa điện tử...). Ứng dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu cán bộ công chức...)

- *Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:* Tỷ lệ dân số ở độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 85\%$ .

- *Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ các mô hình liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu và các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm tại nông thôn được số hóa:*

+ Nội dung: Các cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP của địa phương gắn với vùng nguyên liệu được gắn địa chỉ số và có xây dựng các thuyết minh hướng dẫn, giới thiệu đưa lên các nền tảng số như Facebook, Google, Tictok, Youtube... nhằm quảng bá và phát triển du lịch.

+ Điều kiện đạt: Xã có nhiều cơ sở sản xuất thì tối thiểu  $\geq 50\%$  cơ sở đáp ứng yêu cầu trên. Trong trường hợp xã chỉ có 01 cơ sở sản xuất và đáp ứng yêu cầu thì đạt chỉ tiêu.

- *Chỉ tiêu 7.4. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững thông qua các ứng dụng công nghệ số:*

Có mô hình liên kết sản xuất ứng dụng công nghệ hiện đại; có tem truy xuất nguồn gốc; ứng dụng công nghệ số để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, voso.vn... hoặc các ứng dụng di động....

- *Chỉ tiêu 7.5. Có hệ thống ứng dụng thông minh cung cấp ít nhất 3 trong số các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa...).*

Có ít nhất 3 trong số các ứng dụng thông minh: Sở khám bệnh điện tử, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; học bạ điện tử; hệ thống học trực tuyến; có hệ thống camera giám sát tại các nơi công cộng nhằm đảm bảo an ninh trật tự....

## **2. Tiêu chí Du lịch nông thôn**

**Chỉ tiêu 4.2. Các điểm du lịch trên địa bàn được số hóa:** Các điểm du lịch được gắn biển địa chỉ số, được xây dựng các thuyết minh hướng dẫn, giới thiệu đưa lên các nền tảng số quảng bá du lịch như: Facebook, Google, Tiktok, Youtube...

## **3. Tiêu chí thôn thông minh**

(*Có Hướng dẫn riêng sau khi có Quyết định phê duyệt tiêu chí của UBND tỉnh*).

## **4. Hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện.
- Báo cáo kết quả thực hiện lĩnh vực chuyển đổi số của UBND cấp huyện (Mẫu số 01- Phụ lục 03).
- Văn bản xác nhận của Bưu điện tỉnh về việc gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) đối với các cơ sở sản xuất, vùng nguyên liệu khu di tích (Mẫu số 02- Phụ lục 03).
- Có hình ảnh, video quảng bá hình ảnh du lịch, sản phẩm đặc trưng trên môi trường mạng.

## **IV. Đối với tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới và khu dân cư kiểu mẫu**

Nội dung cụ thể của các chỉ tiêu thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh. Trong đó:

*Tiêu chí Thông tin và Truyền thông:* Chỉ tiêu 3.2. Có hệ thống wifi miễn phí tại nhà văn hóa khu dân cư.

*Yêu cầu:* Mạng wifi miễn phí tại các điểm công cộng đảm bảo các điều kiện an toàn an ninh thông tin.

## **V. Tiêu chí thông tin truyền thông đối với huyện xây dựng nông thôn mới và huyện nông thôn mới và huyện nông thôn mới nâng cao**

Thực hiện theo Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### **1. Đối với tiêu chí huyện nông thôn mới**

- Tiêu chí số 9. Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công.
- + Chỉ tiêu 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên.

*Điều kiện đạt chỉ tiêu:* Có tỷ lệ hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt 75% trở lên.

## **2. Đối với tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao**

- Tiêu chí số 9. Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công
- + Chỉ tiêu 9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức 4.

*Điều kiện đạt chỉ tiêu:* Có tỷ lệ hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt 80% trở lên.

### **VI. Danh mục biểu mẫu làm tài liệu kiểm chứng: (Có phụ lục kèm theo)**

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thông tin và truyền thông trong trong các Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh, trao đổi với Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn, giải đáp./.

#### **Nơi nhân:**

- VPĐP XD NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành, thị;
- Các DN Bưu chính, Viễn thông;
- GD, các PGĐ;
- Các phòng CM thuộc Sở;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, VP N(40b).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Hồng Thúy**



**PHỤ LỤC 01**  
**MẪU HỒ SƠ THẨM ĐỊNH CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN TIÊU CHÍ**  
**SỐ 8 TRONG BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI**

**Mẫu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
 .....(huyện, Tx, Tp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông đối với xã  
 xây dựng nông thôn mới..... năm .....**

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã .....đạt chuẩn nông thôn mới năm .....*

UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về nông thôn mới đối với xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:**

**1. Chỉ tiêu 8.1: Xã có điểm phục vụ bưu chính**

Xã .....có .... (ghi số lượng điểm) điểm phục vụ bưu chính, địa chỉ tại: ...

- Về cơ sở vật chất:

+ Mặt bằng và các trang thiết bị sử dụng: .....

+ Treo biển tên điểm phục vụ: .....

+ Treo số hiệu điểm phục vụ (đối với bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã):.....

+ Niêm yết giờ mở cửa phục vụ: .....(niêm yết giờ mở cửa là bao nhiêu giờ/ngày, thời gian: sáng/chiều từ ... đến .... giờ);

- Về dịch vụ cung ứng: (kể tên các dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính).

+ Cung cấp dịch vụ thư: .....

+ Cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng: .....

## **2. Chỉ tiêu 8.2: Xã có dịch vụ viễn thông, internet**

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng di động mặt đất.

*(Văn bản xác nhận của doanh nghiệp viễn thông kèm theo)*

## **3. Chỉ tiêu 8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn**

a) Đối với đài truyền thanh cấp xã

- Xã có ..... (*ghi số lượng đài*) đài truyền thanh có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT, được xây dựng từ năm ... (*năm nào?*).

- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện số .....ngày ..../..../... có hiệu lực đến ngày ..../..../..... (*đối với đài truyền thanh không dây FM*).

- Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã được ban hành tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..../..../..... của UBND.....

- Số nhân sự phụ trách quản lý, vận hành đài truyền thanh xã: có .... người.

- Tình trạng vận hành, hoạt động của đài .... (*hoạt động tốt/bình thường/xuống cấp, hư hỏng gì?*).

b) Đối với cụm loa thôn, bản

- Xã có .... (*ghi số lượng khu*) khu. Số khu có cụm loa truyền thanh là .... (*ghi số lượng khu*).

Trong đó có ... (*ghi số lượng cụm*) cụm loa có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT.

- Tình hình hoạt động: Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo.

*(Có Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã; Quyết định bổ nhiệm trưởng, phó đài; Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các đài truyền thanh không dây FM) kèm theo).*

## **4. Chỉ tiêu 8.4: Xã có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành**

- Số cán bộ công chức được trang bị máy vi tính/tổng số cán bộ, công chức của xã: .....

- Xã có sử dụng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành:.....(*liệt kê các ứng dụng đang được triển khai*).

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: .....

## **II. Tự đánh giá**

Xã .....(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí) tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025.

**Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### Biểu 01

## HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.....

| STT               | Tên thôn | Tổng số cụm loa | Số cụm loa hoạt động bình thường | Số cụm loa hoạt động kém | Số cụm loa hỏng | Công nghệ (có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT) | Ghi chú |
|-------------------|----------|-----------------|----------------------------------|--------------------------|-----------------|---|---------|
| 1                 | Khu A    | 2               | 1                                | 1                        | 0               | Không dây                                     |         |
| 2                 | Khu B    | 3               | 1                                | 0                        | 2               | Ứng dụng CNTT VT                              |         |
| 3                 | .....    |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| ....              |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| n                 |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| <b>Tổng cộng:</b> |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |

**Mẫu số 02**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
.....(huyện, Tx, Tp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v xác nhận hiện trạng mặt bằng,  
trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu  
chính

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: .....(tên doanh nghiệp bưu chính) .....

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

UBND huyện/Tx/Tp..... đề nghị .....(tên doanh nghiệp bưu chính) xác nhận hiện trạng mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn xã ..... . Cụ thể như sau:

| STT | Tên điểm phục vụ | Số hiệu | Địa chỉ | Dịch vụ cung cấp |
|-----|------------------|---------|---------|------------------|
| 1   |                  |         |         |                  |

UBND huyện/Tx/Tp.....đề nghị .....(tên doanh nghiệp bưu chính)..... xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP  
BƯU CHÍNH**  
(Ghi nội dung xác nhận hay không xác nhận  
và Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP....  
CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
.....(huyện, Tx, Tp)

**Mẫu số 03**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v xác nhận hiện trạng hạ tầng  
cung cấp dịch vụ điện thoại và  
dịch vụ truy nhập Internet

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: .....(tên doanh nghiệp viễn thông) .....

Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;

UBND huyện/Tx/Tp..... đề nghị .....(tên doanh nghiệp viễn thông) xác nhận hiện trạng hạ tầng trên địa bàn xã ..... đáp ứng việc cung cấp dịch vụ điện thoại, Internet với chất lượng đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Cụ thể như sau:

| STT  | Tên khu | Dịch vụ điện thoại |         | Dịch vụ truy nhập Internet |         |
|------|---------|--------------------|---------|----------------------------|---------|
|      |         | Cố định            | Di động | Cố định                    | Di động |
| 1    |         |                    |         |                            |         |
| 2    |         |                    |         |                            |         |
| .... |         |                    |         |                            |         |

(Ghi chú: Tích “X” nếu có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, để trống nếu không đáp ứng)

UBND huyện/Tx/Tp..... đề nghị .....(tên doanh nghiệp viễn thông) ..... xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP  
VIỄN THÔNG**

(Ghi nội dung xác nhận hay không xác nhận và Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP....  
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 02**  
**MẪU HỒ SƠ THẨM ĐỊNH CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN TIÊU CHÍ SỐ 8 TRONG BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

**Mẫu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
 .....(huyện, Tx, Tp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông đối với xã xây dựng nông thôn mới nâng cao ..... năm .....**

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao đối với xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**1. Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

Xã .....có .... (ghi số lượng điểm) điểm phục vụ bưu chính, địa chỉ tại: ...

- Về cơ sở vật chất:

+ Mặt bằng và các trang thiết bị sử dụng: .....

+ Treo biển tên điểm phục vụ:.....

+ Treo số hiệu điểm phục vụ (đối với bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã):.....

+ Niêm yết giờ mở cửa phục vụ: .....(niêm yết giờ mở cửa là Bao nhiêu giờ/ngày, thời gian: sáng/chiều từ ... đến .... giờ);

- Về dịch vụ cung ứng: (kể tên các dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính).

+ Cung cấp dịch vụ thư: .....

+ Cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng: .....

+ Có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

**2. Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: .....

### 3. Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông

#### a) Đối với hệ thống loa truyền thanh

- Xã có ..... (ghi số lượng khu). Số khu có cụm loa truyền thanh .... (ghi số lượng khu). Trong đó có ... (ghi số lượng cụm) cụm loa có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT.

- Tình hình hoạt động: Chi tiết tại (**Biểu 01 kèm theo**).

- Tần suất tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Cơ sở truyền thanh - Truyền hình cấp huyện: .....

- Số lượng chương trình phát thanh tự sản xuất/tuần: ....

- Nội dung tuyên truyền trọng tâm qua hệ thống loa truyền thanh: ...

#### b) Đối với việc xem được truyền hình

Xã có .....(ghi số khu) khu có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

#### c) Đối với điểm cung cấp xuất bản phẩm

Xã có ....(ghi số lượng điểm) cung cấp xuất bản phẩm, hình thức là hiệu sách/đại lý/điểm cung cấp xuất bản phẩm/tủ sách công cộng tại địa chỉ....., họ tên và số điện thoại người quản lý điểm cung cấp xuất bản phẩm.....(**Ảnh chụp điểm cung cấp xuất bản phẩm gửi kèm theo**)

### 4. Chỉ tiêu 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: .....%

- Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin/Tổng số cán bộ công chức cấp xã: ...../.....

(Chi tiết tại **Biểu 02 kèm theo**)

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản/tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã: ...../.....

- Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: .....(ghi số sản phẩm OCOP được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử)/.....(ghi tổng số sản phẩm OCOP). (**Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo**).

- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: ....%.

(**Có văn bản xác nhận của Bưu điện cấp huyện mẫu số 04 kèm theo**)

### 5. Chỉ tiêu 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

Xã có .....(ghi số lượng điểm) điểm cung cấp dịch vụ Wifi miễn phí tại.....(liệt kê các địa chỉ).

### 6. Tiêu chí hành chính công:

#### Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức 3 trở lên

Tỷ lệ hồ sơ, thủ tục hành chính được giải quyết trực tuyến .....%

Thống kê các dịch vụ công mức 3,4, tỷ lệ giải quyết hồ sơ trong năm thẩm định.

### II. Tự đánh giá

Xã .....(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí) tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025.

#### Nơi nhận:

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

TM. UBND .....

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### Biểu 01

#### HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.....

| STT               | Tên thôn | Tổng số cụm loa | Số cụm loa hoạt động bình thường | Số cụm loa hoạt động kém | Số cụm loa hỏng | Công nghệ (có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT) | Ghi chú |
|-------------------|----------|-----------------|----------------------------------|--------------------------|-----------------|---|---------|
| 1                 | Khu A    | 2               | 1                                | 1                        | 0               | Không dây                                     |         |
| 2                 | Khu B    | 3               | 1                                | 0                        | 2               | Ứng dụng CNTT VT                              |         |
| 3                 | .....    |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| ....              |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| n                 |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |
| <b>Tổng cộng:</b> |          |                 |                                  |                          |                 |   |         |



**Biểu 02**  
**DANH SÁCH CÁN BỘ CÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐƯỢC BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG SỐ VÀ AN TOÀN THÔNG TIN**

| <b>TT</b> | <b>Tên cán bộ, công chức cấp xã</b><br><i>(Liệt kê đủ toàn bộ cán bộ, công chức cấp xã)</i> | <b>Bồi dưỡng, tập huấn</b><br><i>(Tích dấu X nếu được bồi dưỡng)</i> | <b>Văn bản cử, triệu tập cán bộ, công chức tham dự bồi dưỡng, tập huấn</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---|--|--|----------------|
| 1         | Nguyễn Văn A  | x  | Văn bản số...ngày .tháng... năm..  |                |
| 2         | Nguyễn Văn B  |  |  |                |
| ...       |   |  |  |                |
| ....      |   |  |  |                |
| n         |   |  |  |                |

**Biểu 03**  
**DANH SÁCH SẢN PHẨM OCOP CỦA XÃ**

| <b>TT</b> | <b>Tên sản phẩm OCOP</b><br><i>(Liệt kê toàn bộ tên sản phẩm OCOP của xã)</i> | <b>Văn bản công nhận sản phẩm OCOP</b> | <b>Đường dẫn truy cập (link) sản phẩm trên sàn thương mại điện tử</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---|--|---|----------------|
| 1         |   |  |   |                |
| 2         |   |  |   |                |
| ...       |   |  |   |                |
| n         |   |  |   |                |

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
.....(huyện, Tx, Tp)

Số: .....

V/v xác nhận việc gắn địa  
chỉ số trên nền tảng địa chỉ  
số Việt Nam

**Mẫu số 04**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: Bưu điện huyện/thị xã/thành phố .....

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đề nghị Bưu điện huyện/thị xã/thành phố ..... xác nhận gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) cho các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích trên địa bàn xã ..... . Cụ thể như sau:

1. Số hộ gia đình trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... hộ gia đình.

2. Số trụ sở cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã..... được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... trụ sở cơ quan, tổ chức. Số khu di tích trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... khu di tích.

UBND huyện/thị xã/thành phố.....đề nghị Bưu điện huyện/thị xã/thành phố ..... xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA BƯU**  
**ĐIỆN HUYỆN**

.....

(Ghi nội dung xác nhận, ký tên,  
đóng dấu,  
ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP....**  
**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC 03**  
**MẪU TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH XÃ ĐẠT CHUẨN LĨNH VỰC CHUYÊN**  
**ĐỔI SỐ TRONG BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

**Mẫu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
 .....(huyện, Tx, Tp)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện lĩnh vực chuyên đổi số đối với xã xây dựng nông  
 thôn mới kiểu mẫu ..... năm .....**

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng thực hiện tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

UBND huyện/thị xã/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện lĩnh vực chuyên đổi số đối với xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện:**

**- Chỉ tiêu 7.1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu đồng bộ:**

+ *Có hệ thống mạng nội bộ LAN : Có bao nhiêu máy tính....., máy in....., máy Quét (Scan).....; Có bao nhiêu mạng Internet..... Sử dụng phần mềm diệt virus nào..... ?*

+*Có ứng dụng các cơ sở dữ liệu: Có ứng dụng CSDL hộ tịch, CSDL cán bộ công chức hay không?: Đã cập nhật và quản lý trên phần mềm chưa?*

**- Chỉ tiêu 7.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:** Tỷ lệ dân số ở độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 85\%$

Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: .....%

**- Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ các mô hình liên kết sản xuất gắn với vùng nguyên liệu và các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm tại nông thôn được số hóa:**

+ Nội dung: Tỷ lệ có các cơ sở sản xuất sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương có truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với vùng nguyên liệu và được liên kết với các doanh nghiệp du lịch và được xây dựng các thuyết minh hướng dẫn, giới thiệu đưa lên các nền tảng số như Facebook, Google, Tictok, Youtube...nhằm quảng bá du lịch.

+ Điều kiện đạt: Xã có nhiều cơ sở sản xuất thì tối thiểu  $\geq 50\%$  cơ sở đáp ứng yêu cầu trên. Trong trường hợp xã chỉ có 01 cơ sở sản xuất và đáp ứng yêu cầu thì vẫn đạt chỉ tiêu.

*Thông kê số cơ sở sản xuất, sản phẩm đặc trưng và chứng nhận nguồn gốc, vùng nguyên liệu. Tài liệu thuyết minh, hướng dẫn, giới thiệu về cơ sở sản xuất, sản phẩm, vùng nguyên liệu trên nền tảng số.*

*Đánh giá hiệu quả sự liên kết giữa các mô hình sản xuất, vùng nguyên liệu và du lịch đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.*

**- Chỉ tiêu 7.4. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững thông qua các ứng dụng công nghệ số.**

*Có mô hình liên kết từ khâu sản xuất tới tiêu thụ sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại được quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử Postmart.vn, voso.vn, hoặc các ứng dụng di động....*

*- Báo cáo số lượng cơ sở sản xuất, tên sản phẩm, ứng dụng công nghệ gì? chứng minh có mô hình sản xuất hiện đại và các sản phẩm được niêm yết trên các sàn thương mại.*

*- Đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất.*

**- Chỉ tiêu 7.5. Có hệ thống ứng dụng thông minh cung cấp ít nhất 3 trong số các dịch vụ thiết yếu phục vụ người dân (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa...).**

*Có ít nhất 3 ứng dụng thông minh: Sổ khám bệnh điện tử, tư vấn khám chữa bệnh từ xa; học bạ điện tử; nhóm zalo giữa giáo viên với phụ huynh học sinh; có hệ thống camera giám sát tại các nơi công cộng nhằm đảm bảo an ninh trật tự; hệ thống cảnh báo môi trường, thiên tai.....*

*Thông kê số lượng người dùng 03 ứng dụng thông minh; Đánh giá mức độ hiệu quả, thiết thực của các ứng dụng.*

### **3. Tiêu chí Du lịch nông thôn:**

**Chỉ tiêu 4.2. Các điểm du lịch trên địa bàn được số hóa:** Các điểm du lịch được gắn biển địa chỉ số, được xây dựng các thuyết minh hướng dẫn, giới thiệu đưa lên các nền tảng số quảng bá du lịch như: Facebook, Google, Tictok, Youtube...

*Thông kê các điểm du lịch được gắn địa chỉ số có xác nhận của Bưu điện địa phương, kèm theo tài liệu hướng dẫn, giới thiệu ( **Biểu số 01** )*

## **II. Tự đánh giá**

*Xã .....(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí) lĩnh vực chuyên đổi số đối với xã kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025.*

**Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**  
**CHỦ TỊCH**  
*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Biểu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tx, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
 V/v xác nhận gắn địa chỉ số

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: .....(tên doanh nghiệp bưu chính) .....

*Căn cứ hướng dẫn số HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025;*

UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đề nghị Bưu điện huyện/thị xã/thành phố ..... xác nhận gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) cho các điểm du lịch, cơ sở sản xuất các sản phẩm OCOP, vùng nguyên liệu sản xuất trên địa bàn xã ..... . Cụ thể như sau:

1. Số cơ sở sản xuất trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... Cơ sở.

2. Số vùng nguyên liệu, trên địa bàn xã..... được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... vùng. Số điểm du lịch trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... địa điểm.

UBND huyện/thị xã/thành phố.....đề nghị Bưu điện huyện/thị xã/thành phố ..... xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP**  
**BƯU CHÍNH**

*(Ghi nội dung xác nhận hay không xác nhận  
 và Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**TM. UBND HUYỆN/TX/TP....**  
**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*